

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23-3-2026

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung Hồng - Thành

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HUNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

01. Bà Hoàng Thị Phụng

02. Ông Hoàng Văn Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng và nộp tạm ứng án phí tại Tòa án: Công ty L; Địa chỉ: Số F đường C, phường P, tỉnh Hưng Yên; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P – Giám đốc; Người được ủy quyền lại: Ông Hoàng Ngọc H1, sinh năm 2002; Địa chỉ: Tổ dân phố B, xã L, tỉnh Hưng Yên và bà Lê Xuân D, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2025).

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn N, phường T, tỉnh Hưng Yên.

*(Chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2025, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện,

đăng ký kết hôn ngày 08/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị H và anh T bất đồng về quan điểm sống, cả hai vợ chồng không hoà hợp về tính cách, không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở Đắc Lắc sinh sống. Chị H nhận thấy mình không còn tình cảm với anh T và việc phải duy trì cuộc hôn nhân không còn tình cảm và có quá nhiều mâu thuẫn khiến chị H vô cùng mệt mỏi. Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/11/2008 hiện nay đang sinh sống cùng với anh T. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho chị trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Tuy nhiên, nếu cháu T1 muốn ở với anh T thì chị cũng chấp nhận và đồng ý với việc anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc nên chị đề nghị Tòa án cho chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

*Tại các văn bản trình bày và đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì chị H bỏ nhà đi. Anh nhận thấy chị H là người không có trách nhiệm gì với gia đình và con cái nên nay chị H xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/11/2008. Ly hôn anh T đề nghị giao con là cháu Nguyễn Thành T1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung do từ nhỏ anh đã là người chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Hưng Yên phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều

51, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh T; Về quan hệ con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Thành T1 sinh ngày 10/11/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, phường T, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 08/07/2008. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T chung sống hạnh phúc cùng nhau một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị H và anh T bất đồng về quan điểm sống, cả hai vợ chồng không hoà hợp về tính cách, không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nên chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, từ đó đến nay cũng không quan tâm hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân. Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh T cùng sinh sống khi kết hôn xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/11/2008 hiện nay đang sinh sống cùng với anh T. Ly hôn anh T đề nghị giao cháu T1 cho anh trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng do anh đã chăm sóc con từ nhỏ cho đến nay, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con

chung. Chị H cũng đồng ý với yêu cầu của anh T. Sau khi xem xét hoàn cảnh của anh T đã trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 từ nhỏ và hiện nay cháu T1 vẫn phát triển tốt cả về mặt thể chất và tinh thần, xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thành T1, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/11/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

**2. Về con chung:** Chị H và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/11/2008. Giao cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành T1, chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003503 ngày 25/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang thi hành án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự
- VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Trần Lãm (ĐKKH số 34 ngày 08/07/2008) ;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Xuân Quỳnh**